TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ TÂN CHÂU** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 277/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 21-8-2020
"V/v tranh chấp ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TÂN CHÂU, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Ngọc Lan

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Thế Phương;

2. Bà Nguyễn Thị Mỹ Duyên.

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Mộng Thu là Thư ký Tòa án nhân dân thị xã TC, tỉnh AG.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã TC *tham gia phiên tòa*: Không có

Ngày 21 tháng 8 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã TC xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 244/2020/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 7 năm 2020 về "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 211/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 8 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Huỳnh Thị T, sinh năm 1973, nơi cư trú: ấp TH A, xã TL A, huyện CT, tỉnh HG. (có mặt).

Bị đơn: Anh Nguyễn Thành M, sinh năm 1977, nơi cư trú: Số 52, tổ 1, ấp TH A2, xã TA, thị xã TC, tỉnh AG (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai về việc ly hôn đề ngày 24/6/2020 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị Huỳnh Thị T trình bày: Hôn nhân của anh chị là do anh, chị tự tìm hiểu tình cảm yêu thương nhau trước và được cha mẹ hai bên đồng ý nên anh chị tự về chung sống với nhau từ năm 1991, không có tổ chức lễ cưới và cũng không có đăng ký kết hôn theo pháp luật quy định. Vợ chồng chung sống có hạnh phúc được 03 năm thì phát sinh mâu thuẫn và vợ chồng không còn chung sống với nhau từ năm 1994 cho đến nay. Nguyên nhân, do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cải vã nhau dẫn đến cuộc sống chung của vợ chồng không có hạnh phúc. Nay tình cảm vợ chồng không còn nên chị T yêu cầu được ly hôn với anh M.

Anh Nguyễn Thành M thống nhất về điều kiện kết hôn, thời gian kết hôn và nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng như chị T trình bày. Nay anh cũng đồng ý ly hôn với chị T. Anh M khai anh sinh năm 1971, nhưng khi làm giấy chứng minh nhân dân gia đình làm năm 1977 cho anh đi học vì anh học trễ.

Trong thời gian chung sống chị T và anh M có 01 đứa con chung tên Nguyễn Ngọc Th, sinh ngày 22/7/1993. Hiện nay con đã trưởng thành và lao động được nên anh chị đều không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị T và anh M đều khai vợ chồng không có tài sản chung và nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa: Chị Huỳnh Thị T vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên toà và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Tòa án nhân dân thị xã TC nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Về thẩm quyền: Chị Huỳnh Thị T có đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Thành M, có nơi cư trú tại ấp TH A2, xã TA, thị xã TC, tỉnh AG là thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã TC theo quy định tại khoản 1 Điều 28 điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung:

Về hôn nhân: Chị Huỳnh Thị T và anh Nguyễn Thành M chung sống với nhau từ năm 1991 nhưng anh chị không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nên hôn nhân của anh chị được xem là hôn nhân không hợp pháp.

Hội đồng xét xử xét thấy, hôn nhân giữa chị T và anh M là hôn nhân hoàn toàn tự nguyện. Sau khi anh chị chung sống với nhau thì cuộc sống chung của vợ chồng có hạnh phúc được 03 năm thì xảy ra nhiều mâu thuẫn dẫn đến anh chị không còn chung sống với nhau từ năm 1994 cho đến nay. Tuy anh chị đều đồng ý ly hôn nhau nhưng do hôn nhân của anh chị là hôn nhân không hợp pháp nên HĐXX căn cứ vào khoản 1 Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 xét không công nhận chị Huỳnh Thị T và anh Nguyễn Thành M là vợ chồng.

[3] Về con chung: Chị T và anh M có 01 đứa con chung tên Nguyễn Ngọc Th, sinh ngày 22/7/1993. Hiện nay con đã trưởng thành và lao động được nên anh chị đều không yêu cầu Tòa án giải quyết. Xét, chấp nhận.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Chị T và anh M đều khai vợ chồng không có tài sản chung và nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó HĐXX không xem xét.

[5] Về án phí: Theo quy định tại khoản 4 Điều 147 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ

Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì chị Huỳnh Thị T phải chịu 300.000đ tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 273, Điều 278 và khoản 1 Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. *Về hôn nhân:* Không công nhận chị Huỳnh Thị T và anh Nguyễn Thành M là vợ chồng.

2. *Về con chung*: Chị T và anh M có 01 đứa con chung tên Nguyễn Ngọc Th, sinh ngày 22/7/1993. Hiện nay con đã trưởng thành và lao động được nên anh chị đều không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. *Về tài sản chung và nợ chung:* Không có.

4. *Về án phí dân sự sơ thẩm*: Chị Huỳnh Thị T phải chịu 300.000 đồng *(ba trăm nghìn đồng)* tiền án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số: 0001228 ngày 24/6/2020 của Chi cục Thi hành án Dân sự thị xã TC, tỉnh AG.

"*Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc tống đạt hợp lệ*".

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh AG;
- VKSND TX.TC;
- Chi cục THADS TX.TC;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu: Hồ sơ, V.phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Huỳnh Ngọc Lan